

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **342/2019/DS-ST**

Ngày: 18/10/2019

V/v tranh chấp “Hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Lil.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đoàn Thanh Phong;

Ông Trương Hoàng Hoa;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Dương Kim Cương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 18 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 162/2018/TLST-DS ngày 18 tháng 4 năm 2019 về tranh chấp “Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 159/2019/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 162/2019/QĐST-DS ngày 02 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng A;**

Địa chỉ trụ sở chính: N, phường J, quận H, TP. Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch B, chức vụ: Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Văn C, chức vụ: Giám đốc chi nhánh Tiền Giang;

(Theo văn bản ủy quyền số 4034/UQ-VH ngày 10/12/2018)

Đại diện theo ủy quyền lại: **Nguyễn Quốc D** – Trưởng phòng giao dịch Châu Thành – Chi nhánh Tiền Giang.

Địa chỉ: Ấp Tân Phong, xã Tân Lý Tây, huyện Châu Thành, Tiền Giang.

2. Bị đơn: **Võ Thị Tuyết E**, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Đoàn Văn F, sinh năm 1976 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số 262 ấp K, xã L, huyện M, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, các bản tự khai và biên bản hòa giải, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Nguyễn Quốc D trình bày:

Ngày 26/5/2015, bà Võ Thị Tuyết E và ông Đoàn Văn F có ký hợp đồng tín dụng số LD1514500386 với Ngân hàng A, theo đó Ngân hàng cho bà E và ông F vay số tiền 235.000.000 đồng, lãi suất 0.75%/tháng, mục đích vay để mua xe ô tô tải, thời hạn vay 60 tháng, phương thức trả vốn hàng tháng, lãi trả hàng tháng theo dư nợ giảm dần. Thực hiện theo hợp đồng bà E, ông F đã thanh toán vốn lãi theo hợp đồng đến ngày 25/7/2018, từ khi phát sinh quá hạn đến ngày 08/11/2018, bà E, ông F tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng 5.500.000 đồng, kể từ đó đến nay bà E và ông F ngưng không thanh toán cho Ngân hàng. Qua nhiều lần làm việc nhắc nhở tạo điều kiện cho bà E, ông F thanh toán nhưng bà E và ông F vẫn không có khả năng trả dứt nợ cho Ngân hàng. Tính đến ngày 25/3/2019 bà E và ông F đã thanh toán cho Ngân hàng tổng cộng số tiền vốn 154.460.000 đồng, lãi 53.161.225, lãi phạt 519.069 đồng. Tính đến ngày 25/3/2019 bà E và ông F còn nợ Ngân hàng vốn: 80.540.000 đồng; Lãi theo hợp đồng: 5.537.083 đồng, lãi quá hạn 1.172.985 đồng và tiền lãi chậm trả là 174.036 đồng;

Do bà E và ông F đã vi phạm thời gian thanh toán nợ cho Ngân hàng, làm thiệt thòi quyền lợi cho Ngân Hàng. Do đó, nay Ngân hàng yêu cầu bà E và ông F trả số tiền nợ vốn: 80.540.000 đồng; Lãi theo hợp đồng: 8.409.142 đồng, lãi quá hạn 4.824.012 đồng và tiền lãi chậm trả là 565.257 đồng, Tổng cộng: 94.338.411 đồng theo hợp đồng tín dụng đã ký kết tính đến ngày tòa án xét xử 18/10/2019.

* Bị đơn bà Võ Thị Tuyết E và ông Đoàn Văn F đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo qui định pháp luật tố tụng, nhưng bà E và ông F vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng và cũng không có gửi văn bản ghi ý kiến về yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn bà Võ Thị Tuyết E và ông Đoàn Văn F vắng mặt không có lý do mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ xét xử đến lần thứ hai, nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối với bà E, ông F.

[2] Quan hệ tranh chấp: Quan hệ tranh chấp giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương tín và bà Võ Thị Tuyết E và ông Đoàn Văn F là tranh chấp hợp đồng tín dụng được xem xét, giải quyết theo quy định tại Điều 95 luật các tổ chức tín dụng và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M theo quy định tại Điều 26, Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp:: Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Quốc D yêu cầu bà E và ông F có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ gốc 80.540.000 đồng; Lãi theo hợp đồng: 8.409.142 đồng, lãi quá hạn 4.824.012 đồng và tiền lãi chậm trả là 565.257 đồng, Tổng cộng: 94.338.411 đồng theo hợp đồng tín dụng đã ký kết tính đến ngày 18/10/2019. Sau khi án có hiệu lực nếu bà

E và ông F vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì đề nghị được xử lý tài sản thế chấp để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng là xe tải có mui hiệu THACO, biển số 63C – 057.68; số máy JT674105; Số khung 00BKFC052651 theo giấy đăng ký xe ô tô số 004189 do phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Tiền Giang cấp ngày 22/5/2015 cho bà Võ Thị Tuyết E;

Xét yêu cầu của nguyên đơn có cơ sở, bởi lẽ giữa bà E và ông F với Ngân hàng có ký hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản vào ngày 25/5/2015 để vay số tiền 235.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 0.75%/tháng, điều chỉnh theo hợp đồng tín dụng, mục đích vay để mua xe ô tô tải, thời hạn vay 60 tháng, hình thức trả góp vốn, lãi hàng tháng theo dư nợ giảm dần, thanh toán kỳ đầu vào ngày 25/6/2015, kỳ cuối ngày 25/5/2020.

Sau khi vay xong ông F, bà E đã thanh toán cho Ngân hàng tổng cộng số tiền vốn 154.460.000 đồng, lãi 53.161.225, lãi phạt 519.069 đồng thì ngưng không trả tiếp theo hợp đồng. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm 18/10/2019 bà E và ông F còn nợ Ngân hàng vốn: 80.540.000 đồng; Lãi theo hợp đồng: 8.409.142 đồng, lãi quá hạn 4.824.012 đồng và tiền lãi chậm trả là 565.257 đồng, Tổng cộng: 94.338.411 đồng; Do bà E và ông F đã vi phạm thời gian thanh toán nợ cho Ngân hàng, làm thiệt thời quyền lợi cho Ngân Hàng, Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở, tạo điều kiện cho ông bà trả nợ nhưng vẫn không thực hiện nghĩa vụ. Do đó, nay Ngân hàng yêu cầu bà E và ông F trả số tiền nêu trên theo hợp đồng tín dụng là phù hợp, nên được chấp nhận toàn bộ. Trường hợp đến hạn trả tiền nếu ông F và bà E không trả nợ thì sẽ tiếp tục tính lãi theo hợp đồng tín dụng và phát mãi tài sản thế chấp để đảm bảo nghĩa vụ đối với Ngân hàng là phù hợp với Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng và Điều 463 Bộ luật dân sự.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên buộc bà Võ Thị Tuyết E và ông Đoàn Văn F phải chịu án phí theo quy định tại Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ các Điều 463 Bộ luật dân sự;
- Căn cứ Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín;

Buộc chị Võ Thị Tuyết E và anh Đoàn Văn F có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền vốn: 80.540.000 đồng; Lãi theo hợp đồng: 8.409.142 đồng, lãi quá hạn 4.824.012 đồng và tiền lãi chậm trả là 565.257 đồng, Tổng cộng: 94.338.411 đồng (chín mươi bốn triệu ba trăm ba mươi tám nghìn bốn trăm mười một đồng);

Trường hợp ông F và bà E chậm trả số tiền nêu trên thì còn phải trả lãi đối với số tiền và thời gian chậm thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số LD1514500386 ký ngày 25/5/2015;

Trường hợp ông F và bà E không trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số LD1514500386 ký ngày 25/5/2015 để thu hồi nợ.

Về án phí: Chị Võ Thị Tuyết E và anh Đoàn Văn F phải chịu 4.717.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm;

Hoàn lại cho Ngân hàng số tiền 2.185.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số 0015938 ngày 17/4/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện M.

Ngân hàng có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- Nõông sở;
- Lưu hoà sở.

NGUYỄN THỊ MỸ LIL